TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN QUẢNG NINH** **TỈNH QUẢNG BÌNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 41/2024/QĐST-HNGĐ	*Quảng Ninh, ngày 16 tháng 7 năm 2024*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 52/2024/TLST - HNGĐ ngày 24 tháng 6 năm 2024, giữa:

Nguyên đơn: Chị Phan Thị T, sinh năm 1989;

Địa chỉ: Xóm N, thôn P, xã G, huyện Q, tỉnh Quảng Bình;

Bị đơn: Anh Trần Văn N, sinh năm 1985;

Địa chỉ: Xóm N, thôn P, xã G, huyện Q, tỉnh Quảng Bình.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều 55, 81, 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 08 tháng 7 năm 2024,

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 08 tháng 7 năm 2024 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội;

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Phan Thị T và anh Trần Văn N.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- *Về nuôi con chung:* Chị Phan Thị T và anh Trần Văn N thống nhất vợ chồng có 03 con chung tên là Trần Xuân B, sinh ngày 01/9/2013, Trần Minh T, sinh ngày 27/11/2019, Trần Phan Hạ V, sinh ngày 01/5/2021, hiện cháu B và cháu T đang ở với anh N, cháu V đang ở với chị T; hai bên thỏa thuận: Giao con Trần Xuân B, Trần Minh T cho anh N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến khi trưởng thành (đủ 18 tuổi); giao con Trần Phan Hạ V cho chị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến khi trưởng thành (đủ 18 tuổi) và không bên nào phải cấp dưỡng cho bên nào. Bên không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

- *Về chia tài sản và nợ chung:* Chị Phan Thị T và anh Trần Văn N thống nhất vợ chồng có một số tài sản chung, nợ chung nhưng tự thỏa thuận phân chia không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về án phí:* Căn cứ Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban

Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Chị Phan Thị T và anh Trần Văn N mỗi người chịu 75.000 đồng án phí ly hôn. Chị T thỏa thuận chịu thay án phí ly hôn cho anh N. Số tiền án phí chị T phải nộp được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: BLTU/23/0003877, ngày 24/6/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Quảng Ninh, tỉnh Quảng Bình. Chị T được nhận lại 150.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện Quảng Ninh;
- UBND xã G;
- Chi cục THADS huyện Quảng Ninh;
- TAND tỉnh Quảng Bình;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

(Đã ký)

Nguyễn Thị Nhàn